Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9017.80.00

Mã HS	9017.80.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ vẽ, vạch mức dấu hoặc dụng cụ tính toán toán học (ví dụ, máy vẽ phác, máy vẽ truyền, thước đo góc, bộ đồ vẽ, thước logarit, bàn tính dùng đĩa); dụng cụ đo chiều dài, dùng tay (ví dụ, thước thanh và thước dây, thước micromet, thước cặp), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Các dụng cụ khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 19:19:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90178000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18066
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18066
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18066
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17379
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17308
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17308
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17308
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17308
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17308
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17308
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17364
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17364
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17364
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17364

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17364
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17364
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17365
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17365
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17365
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17365
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17365
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17365
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17370
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17326
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17322
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17322
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17322
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17322
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17322
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17322
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17368
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17368
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17368
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17368
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17368
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17368
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17430
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17430
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17430
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17430

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17430
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17430
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17406
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17406
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17406
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17406
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17406
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17406
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17401
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17401
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17401
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17401
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17401
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17401
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17431
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17431
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17431
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17431
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17431
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17431
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17430
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17430
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17430
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17430
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17430
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17430

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17524
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17524
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17524
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17524
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17524
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17524
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17524
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17393
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17393
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17393
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17393
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17393
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17393
RCEP B	2022	2022	0	B!D17393
RCEP B	2023	2023	0	B!E17393
RCEP B	2024	2024	0	B!F17393
RCEP B	2025	2025	0	B!G17393
RCEP B	2026	2026	0	B!H17393
RCEP B	2027	2027	0	B!I17393
RCEP C	2022	2022	0	C!D17391
RCEP C	2023	2023	0	C!E17391
RCEP C	2024	2024	0	C!F17391
RCEP C	2025	2025	0	C!G17391
RCEP C	2026	2026	0	C!H17391
RCEP C	2027	2027	0	C!I17391
RCEP D	2022	2022	0	D!D17390

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17390
RCEP D	2024	2024	0	D!F17390
RCEP D	2025	2025	0	D!G17390
RCEP D	2026	2026	0	D!H17390
RCEP D	2027	2027	0	D!I17390
RCEP E	2022	2022	0	E!D17394
RCEP E	2023	2023	0	E!E17394
RCEP E	2024	2024	0	E!F17394
RCEP E	2025	2025	0	E!G17394
RCEP E	2026	2026	0	E!H17394
RCEP E	2027	2027	0	E!I17394
RCEP F	2022	2022	0	F!D17393
RCEP F	2023	2023	0	F!E17393
RCEP F	2024	2024	0	F!F17393
RCEP F	2025	2025	0	F!G17393
RCEP F	2026	2026	0	F!H17393
RCEP F	2027	2027	0	F!I17393
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F16308
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G16308
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16308
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16308

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9017.80.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9017.80.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18066), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.